

TẬP ĐOÀN  
BUU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2015.

Số: 660/TST-KTTKTC

V/v: Công bố thông tin về BCTC  
Bán niên hợp nhất năm 2015.

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**
2. Mã chứng khoán: **TST**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 4A, 4B, 4C Phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
4. Điện thoại: 043 7366 984 Fax: 043 568 2240
5. Người thực hiện công bố thông tin:
  - + Người đại diện theo pháp luật: Phan Sỹ Kiên
  - + Người được uỷ quyền công bố thông tin: Trần Thị Thanh Bình
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2015 của Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật viễn thông được lập ngày 26/08/2015 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm ngoái.)
    - 6.2.1 Giải trình NNCL trong KQKD bán niên hợp nhất năm 2015 sau kiểm toán trên 10% so với báo cáo trước kiểm toán.
    - 6.2.2 Giải trình NNCL trong KQKD bán niên hợp nhất năm 2015 sau kiểm toán trên 10% so với cùng kỳ năm trước.
7. Giải trình nguyên nhân của ý kiến ngoại trừ trong BCTC hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Cty TST đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán A&C.
8. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.tst.com.vn](http://www.tst.com.vn)  
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT.**



Phan Sỹ Kiên

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KTTKTC.

**Giải trình nguyên nhân chênh lệch trong KQKD bán niên hợp nhất năm 2015 sau kiểm toán trên 10% so với cùng kỳ năm trước**

\* Trong năm 2015 lãi bán niên hợp nhất sau thuế của Công ty TST sau soát xét của Công ty kiểm toán, A&C chi nhánh Hà nội là 546.397.818 đồng, tăng 3.139.509.087 đồng (tăng tương đương + 121%) so với cùng kỳ năm ngoái là do những nguyên nhân sau:

1. Doanh thu bán niên hợp nhất của công ty TST năm 2015 sau soát xét của kiểm toán tăng +7%, trong đó doanh thu thương mại tại TST giảm -85%, nhưng doanh thu dịch vụ và doanh thu xây lắp – lắp đặt tại TST tăng 25% và 57%, doanh thu tại công ty HTSV (công ty con của TST) lại giảm -38%, trong khi đó giá vốn bán niên hợp nhất của công ty tại TST lại giảm -2% so với cùng kỳ năm ngoái do giá vốn thương mại tại TST giảm -84%, giá vốn xây lắp – lắp đặt tại TST tăng 13% và 50%, chỉ tiêu giá vốn tại công ty HTSV lại giảm tới 52%, dẫn đến khoản lãi gộp bán niên hợp nhất của công ty TST trong năm 2015 sau soát xét của kiểm toán là 1.692.361.518 đồng tăng 48% so với cùng kỳ năm trước.

2. Doanh thu tài chính bán niên hợp nhất của công ty năm 2015 sau soát xét của kiểm toán giảm -94 % so với cùng kỳ năm ngoái. Chi phí tài chính bán niên hợp nhất tăng 27% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng trong đó chỉ tiêu chi phí lãi vay ngân hàng hợp nhất lại giảm -11%.

3. lãi từ công ty liên doanh liên kết hàng bán niên hợp nhất của công ty TST năm 2015 sau soát xét của kiểm toán tăng 91% chủ yếu là từ % khoản lãi bán niên của công ty Vina OFC ( công ty liên doanh liên kết của TST) mang lại.

4. Chi phí bán hàng bán niên hợp nhất của công ty TST năm 2015 sau soát xét của kiểm toán tăng 9% bởi vì tuy chỉ tiêu này ở công ty TST giảm -38% nhưng lại tăng đến 114% tại công ty HTSV.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp bán niên hợp nhất của công ty năm 2015 sau soát xét của kiểm toán giảm -1% mặc dù tại công ty TST chỉ tiêu này tăng 51% so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do trong 6 tháng đầu năm 2015 công ty đã tăng % trích CP lương cho

cán bộ công nhân viên tại văn phòng công ty nhưng tại công ty HTSV chỉ tiêu này lại giảm tới -60%.

6. Chỉ tiêu thu khác bán niên hợp nhất sau soát xét của kiểm toán tăng 42% do tuy chỉ tiêu này giảm -27% nhưng lại tăng đến 89% tại công ty HTSV, và đồng thời chi khác bán niên cũng giảm -100% do giảm -96% tại TST và giảm -100% làm lợi nhuận khác bán niên hợp nhất của công ty cũng giảm -1.107%.

7. Chỉ tiêu thuế TNDN không thể so sánh được vì trong Báo cáo bán niên sau soát xét của Kiểm toán thì công ty HTSV phải trả một khoản thuế TNDN là 2.532.733 đồng nhưng cùng kỳ năm trước HTSV lại lỗ nặng và công ty TST lại đang trong diện được chuyển lỗ lũy kế từ năm 2012 nên không phải trả thuế TNDN.

→ Tóm lại sau soát xét của công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà Nội năm 2015 mặc dù doanh thu bán niên hợp nhất của Công ty TST tăng 7%, nhưng giá vốn bán niên hợp nhất lại giảm -2%, doanh thu tài chính bán niên hợp nhất giảm -94%, chi phí tài chính bán niên hợp nhất tăng 27%, lãi từ công ty liên doanh liên kết tăng 91%, chi phí bán hàng bán niên hợp nhất tăng 9%, chi phí quản lý doanh nghiệp bán niên hợp nhất giảm -1%, lợi nhuận khác bán niên hợp nhất giảm -1.107% ... đã làm cho Công ty TST lãi bán niên hợp nhất sau thuế là 546.397.818 đồng, tăng 3.139.509.087 đồng (tăng tương đương 121%) so với cùng kỳ năm ngoái.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2015

Người lập giải trình



Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Tổng giám đốc



Phan Sỹ Kiên

**Giải trình nguyên nhân chênh lệch trong KQKD bán niên hợp nhất năm 2015 sau kiểm toán trên 10% so với báo cáo trước kiểm toán.**

\* Trong năm 2015 lãi bán niên hợp nhất sau thuế năm 2015 của Công ty TST sau soát xét của Công ty kiểm toán, A&C chi nhánh Hà nội là 546.397.818 đồng; tăng 383.511.014 đồng, tăng tương đương 225% so với báo cáo KQKD bán niên hợp nhất năm 2015 trước kiểm toán, là do những nguyên nhân sau:

1. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh giảm chỉ tiêu doanh thu hợp nhất -75.209.091 đồng, đây là bút toán điều chỉnh giảm 190.007.763 đồng doanh thu trích thừa so với kế hoạch tại Văn phòng Công ty và tăng 114.798.672 doanh thu do hạch toán thiếu tại Xí nghiệp Bảo dưỡng.

2. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh giảm chỉ tiêu giá vốn hợp nhất 360.000.000 đồng, đây là những khoản trích thừa giá vốn so với kế hoạch tại Văn phòng Công ty.

3. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chỉ tiêu Doanh thu tài chính hợp nhất 1.985.983 đồng do đánh giá lại tỷ giá tại thời điểm bán niên của năm 2015.

4. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chỉ tiêu lãi trong công ty liên doanh, liên kết lên 367.105.721 đồng, đây là khoản lợi nhuận 6 tháng đầu năm tương ứng với % vốn góp của công ty TST vào công ty Vina OFC, tại thời điểm đóng báo cáo quý 2 năm 2015 công ty TST chưa có đầy đủ căn cứ để hạch toán khoản thu nhập này.

5. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất 14.846.144 đồng, do hạch toán bổ sung chi phí trợ cấp thất nghiệp, chi phí tiền điện tháng 6 năm 2015, chi phí vệ sinh tòa nhà và hạch toán giảm chi phí sử dụng đường bộ, chi phí BHXH, BHYT do tính thừa tại văn phòng công ty TST.

6. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh giảm chỉ tiêu Thu khác hợp nhất 276.165.999 đồng do tính 2 lần khoản thu từ thanh lý tài sản tại công ty TST.

7. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh giảm chi tiêu Chi khác hợp nhất 20.640.544 đồng do hạch toán thừa chi khác tại công ty TST trong 6 tháng đầu năm 2015.

→ Tóm lại trong quá soát xét BCTC cuối năm 2015 công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội đã đề xuất các bút toán điều chỉnh so với báo cáo KQKD hợp nhất trước kiểm toán là:

Giảm Doanh thu hợp nhất	(75.209.091) đồng
Giảm Giá vốn hợp nhất	360.000.000 đồng
Tăng Doanh thu tài chính hợp nhất	1.985.983 đồng
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết	367.105.721 đồng
Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất	(14.846.144) đồng
Giảm Thu khác hợp nhất	(276.165.999) đồng
Giảm Chi khác hợp nhất	20.640.544 đồng
<b>Ảnh hưởng tăng lợi nhuận so với trước kiểm toán</b>	<b>383.511.014 đồng</b>

Tăng tương đương 225% so với chi tiêu này trước soát xét của kiểm toán A&C

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2015

Người lập giải trình



Sơn Hồng Sơn

Kê toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Tổng giám đốc



Phan Sỹ Kiên

**TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG – TST**

-----o0o-----

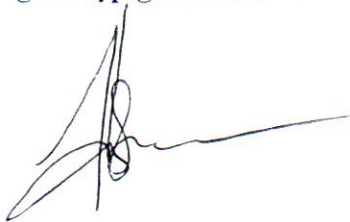
**Giải trình nguyên nhân của ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 của Công ty TST được soát xét bởi công ty kiểm toán A&C.**

\* Trong quá trình kiểm toán và soát xét Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông TST, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C có đưa ra ý kiến loại trừ về số liệu của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm kết thúc ngày và ngày 31.12.2014.

Nguyên nhân: Theo Quyết định số 54/QĐ-TCHC ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Tổng giám đốc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông TST về việc bổ nhiệm cán bộ thì ông Ngô Văn Hiệp – Phó giám đốc Phụ trách Chi nhánh Công ty TST tại thành phố Hồ Chí Minh – được miễn nhiệm mọi chức vụ trong Chi nhánh Công ty TST tại TP Hồ Chí Minh kể từ ngày 01/02/2013. Ông Ngô Văn Hiệp có trách nhiệm bàn giao công việc cho người kế nhiệm xong trước ngày 08/02/2012.

Nhưng trong thực tế ông Ngô Văn Hiệp đã không làm thủ tục bàn giao cho người kế nhiệm là ông Nguyễn Hoàng Tâm, và ông Hiệp cũng không ký và đóng dấu Báo cáo Tài chính năm 2012 trước soát xét kiểm toán của Chi nhánh TP Hồ Chí Minh nên báo cáo này chỉ được ký bởi người lập biểu là ông Chu Mạnh Hùng, đồng thời ông Hiệp cũng không bàn giao các chứng từ kế toán và con dấu - là cơ sở để cung cấp số liệu phục vụ cho công tác soát xét kiểm toán của Công ty Kiểm toán Grant Thornton. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ( Công ty Kiểm toán được ký hợp đồng để soát xét BCTC của công ty TST năm 2012) và Công ty Kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội ( Công ty Kiểm toán được ký hợp đồng để soát xét BCTC hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 của công ty TST) và cũng không hoàn thiện được các hồ sơ do các đoàn Kiểm toán yêu cầu như xác nhận công nợ phải thu, phải trả với khách hàng, nhà cung cấp và nhân viên của chi nhánh, không xác nhận được số dư các tài khoản tại Ngân hàng tại thời điểm 31.12.2012 và 26.03.2013 ( thời điểm giải thể chi nhánh) do sự bất hợp tác của ông Hiệp. Hiện tại đã có quyết định giải thể Chi nhánh Miền nam và mọi hồ sơ giấy tờ còn lại của Chi nhánh Miền nam đã được niêm phong để Ban giải thể Chi nhánh tiến hành công tác giải thể.

Người lập giải trình



Sơn Hồng Sơn

Trưởng phòng Kế toán



Trần Trung Hiếu

Tổng giám đốc



Phan Sỹ Kiên



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 - 45

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101334129 ngày 07 tháng 8 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 14 lần được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi tên Công ty, ngành nghề kinh doanh và Vốn điều lệ của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 043 736 69 84
- Fax : 043 568 22 40

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Đo kiểm các công trình viễn thông (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học; Kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn cáp quang, cáp đồng, cáp điện tin học, truyền hình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp và xuất nhập khẩu ủy thác vật tư, thiết bị, phụ tùng, linh kiện, máy móc trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, điện dân dụng, tin học, giao thông, công nghiệp, xây dựng theo quy định hiện hành; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình nhà cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; Xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học; Xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: Sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện, điện tử, tin học;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Phan Sỹ Kiên	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2009
Ông Đặng Phan Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Vũ Thành Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Nhật Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2009
Bà Hoàng Thị Nghĩa Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013
Bà Phan Thị Phương Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Sỹ Kiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2013
Ông Lê Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Phan Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 3 năm 2013

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Sỹ Kiên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2013).

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Phan Sỹ Kiên  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015



Số: 391/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 26 tháng 8 năm 2015, từ trang 07 đến trang 45 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét, chúng tôi không thể tiếp cận được với các bằng chứng kiểm toán cần thiết để khẳng định được tính trung thực và hợp lý về số liệu của chi nhánh Hồ Chí Minh (đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013) đang được sử dụng để tổng hợp vào báo cáo Công ty mẹ. Cụ thể:

Khoản mục	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu thương mại thuần	1.277.165.908	1.277.165.908
Phải thu khác	12.753.473.404	12.753.473.404
Hàng tồn kho	1.327.799.572	1.327.799.572
Tài sản khác	177.418.736	177.418.736
<b>Cộng</b>	<b>15.535.857.620</b>	<b>15.535.857.620</b>
Phải trả thương mại	2.807.326.139	2.807.326.139
Chi phí phải trả	6.253.418.069	6.253.418.069
Chi phí phải trả khác	1.990.198.309	1.990.198.309
<b>Cộng</b>	<b>11.050.942.517</b>	<b>11.050.942.517</b>

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



---

**Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

---

**Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2015

HA  
VA  
HA

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>100.138.994.944</b>	<b>120.065.037.958</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.019.362.825</b>	<b>6.776.251.383</b>
1. Tiền	111		4.799.362.825	6.556.251.383
2. Các khoản tương đương tiền	112		220.000.000	220.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>69.026.439.940</b>	<b>91.561.665.433</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	37.626.525.898	60.696.236.773
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.636.855.677	1.836.434.522
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	32.989.785.815	33.255.721.588
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.362.895.251)	(4.362.895.251)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	136.167.801	136.167.801
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>25.149.343.806</b>	<b>21.186.264.542</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	25.149.343.806	21.186.264.542
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>943.848.373</b>	<b>540.856.600</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	137.666.674	128.543.618
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		167.703.904	7.779.425
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	638.477.795	404.533.557
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>62.191.413.447</b>	<b>61.263.946.393</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>92.105.000</b>	<b>92.105.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	92.105.000	92.105.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.598.715.351</b>	<b>39.389.711.557</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	15.821.025.425	14.542.359.705
<i>Nguyên giá</i>	222		61.814.272.267	60.353.587.869
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(45.993.246.842)	(45.811.228.164)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	24.777.689.926	24.847.351.852
<i>Nguyên giá</i>	228		25.891.037.818	25.891.037.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.113.347.892)	(1.043.685.966)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.054.313.636</b>	<b>1.601.041.636</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.054.313.636	1.601.041.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>19.056.140.915</b>	<b>18.689.035.194</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		13.517.045.196	13.149.939.475
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.890.000.000	5.890.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(350.904.281)	(350.904.281)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.390.138.545</b>	<b>1.492.053.006</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.390.138.545	1.492.053.006
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>162.330.408.391</b>	<b>181.328.984.351</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>56.675.838.825</b>	<b>75.591.392.869</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>55.475.738.825</b>	<b>74.409.292.869</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	11.153.811.420	18.119.729.830
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.432.560.349	934.762.765
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	306.136.535	2.703.232.780
4. Phải trả người lao động	314		555.403.830	4.125.394.227
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	14.398.500.079	10.315.436.327
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	2.074.504.909	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	18.930.934.411	30.522.397.448
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	6.507.063.850	7.591.116.050
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		97.223.442	97.223.442
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	19.600.000	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.200.100.000</b>	<b>1.182.100.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	1.200.100.000	1.182.100.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>105.654.569.566</b>	<b>105.737.591.482</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>105.654.569.566</b>	<b>105.737.591.482</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	49.699.560.000	49.699.560.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	11.101.830.563	11.101.830.563
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	119.132.759	119.132.759
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(20.386.303.684)	(20.298.271.144)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(20.932.701.502)	(20.298.271.144)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		546.397.818	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	17.120.349.928	17.115.339.305
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>162.330.408.391</b>	<b>181.328.984.351</b>

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	21.320.723.263	19.969.838.654
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	21.320.723.263	19.969.838.654
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.068.221.247	16.409.698.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.252.502.016	3.560.140.498
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.275.193	347.632.147
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	394.823.016	311.289.589
Trong đó: chi phí lãi vay	23		247.700.995	277.440.625
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		367.105.721	192.474.869
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	800.078.369	733.791.204
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.459.575.072	5.492.403.492
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.015.593.527)	(2.437.236.771)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.574.850.363	1.110.330.447
13. Chi phí khác	32	VI.8	5.315.662	1.266.204.945
14. Lợi nhuận khác	40		1.569.534.701	(155.874.498)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		553.941.174	(2.593.111.269)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	2.532.733	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>551.408.441</u>	<u>(2.593.111.269)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		546.397.818	(1.085.087.140)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.010.623	(1.508.024.129)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	86	(292)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	86	(292)

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	553.941.174	(2.593.111.269)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.246.687.842	1.504.349.183
- Các khoản dự phòng	03	-	636.296.195
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3	(1.937.812)	27.545.024
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(378.084.198)	(449.107.487)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	247.700.995	277.440.625
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.668.308.002	(596.587.729)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	21.300.883.613	18.793.847.363
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.963.079.264)	(3.896.257.456)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(17.709.964.912)	(16.470.019.167)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	92.791.405	(27.722.451)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(247.700.995)	(277.440.625)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(143.011.120)	(51.021.088)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	5.511.624.837
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(130.400.000)	(4.652.325.203)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>867.826.729</b>	<b>(1.665.901.518)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.908.963.636)	(319.986.217)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	372.450.364	398.409.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	603.934.676
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.633.834	220.779.988
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.530.879.438)</b>	<b>903.138.356</b>

AN  
TY  
HU  
AT  
C  
TP  
NO  
C  
/SH

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	4.692.440.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(5.776.492.200)	(2.337.500.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.140.000)	(69.600.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(1.094.192.200)</i>	<i>(2.407.100.000)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.757.244.909)</b>	<b>(3.169.863.162)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>6.776.251.383</b>	<b>7.743.306.734</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		356.351	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>5.019.362.825</b>	<b>4.573.443.572</b>

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

# **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Xây dựng và lắp đặt.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Cho thuê máy móc, thiết bị bu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### **5a. Danh sách Công ty con được hợp nhất**

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam có trụ sở chính tại số 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 51% (số đầu năm là 51%).

#### **5b. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina - OFC có trụ sở chính tại số Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất thiết bị điện và dịch vụ đo kiểm cáp quang. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 25% (số đầu năm là 25%).

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 159 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Công ty (số đầu năm là 131 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí tập hợp cho các công trình dở dang.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

## ***Chi phí giải thể***

Chi phí giải thể các chi nhánh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

## **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 12
Máy móc và thiết bị	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

## **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 13. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

## 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 21. Công cụ tài chính

### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

TRẢ  
KIẾ

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	303.489.062	361.610.637
Tiền gửi ngân hàng	4.495.873.763	6.194.640.746
Các khoản tương đương tiền	220.000.000	220.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	220.000.000	220.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.019.362.825</u></b>	<b><u>6.776.251.383</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần cáp Quang Việt Nam Vina – OFC, là một công ty thành lập ngày 16 tháng 6 năm 2008 tại Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ (số đầu năm là 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ).

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	14.140.000.000	14.140.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(622.954.804)	(990.060.525)
<b>Cộng</b>	<b><u>13.517.045.196</u></b>	<b><u>13.149.939.475</u></b>

Giá trị phần sở hữu của Công ty tại công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	13.149.939.475	12.593.275.527
Góp vốn		
Phần lãi trong kỳ	367.105.721	192.474.869
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>13.517.045.196</u></b>	<b><u>12.785.750.396</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam và Thiết bị Bưu điện	4.930.000.000	(350.904.281)	4.579.095.719	4.930.000.000	(350.904.281)	4.579.095.719
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động (MOBI - I)	960.000.000		960.000.000	960.000.000		960.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.890.000.000</b>	<b>(350.904.281)</b>	<b>5.539.095.719</b>	<b>5.890.000.000</b>	<b>(350.904.281)</b>	<b>5.539.095.719</b>

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(350.904.281)	(350.904.281)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	<b>(350.904.281)</b>	<b>(350.904.281)</b>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>37.626.525.898</b>	<b>60.696.236.773</b>
Trung tâm Dịch vụ viễn thông Khu vực 2		16.341.992.724
Công ty Viễn thông liên tỉnh (Ban quản lý dự án Khu vực 1)	2.048.657.843	2.048.657.843
Ban quản lý Dự án các công trình viễn thông	13.885.324.026	13.885.324.026
Các khách hàng khác	21.692.544.029	28.420.262.180
<b>Cộng</b>	<b>37.626.525.898</b>	<b>60.696.236.773</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>2.636.855.677</b>	<b>1.836.434.522</b>
Công ty Cổ phần Netmedia	1.200.000.000	
Công ty Cổ phần Vi điện tử Thái Bình Dương	633.900.000	633.900.000
Công ty TNHH SMATEC	95.400.000	747.320.000
Các nhà cung cấp khác	707.555.677	455.214.522
<b>Cộng</b>	<b>2.636.855.677</b>	<b>1.836.434.522</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	<b>32.989.785.815</b>	<b>(3.852.045.966)</b>	<b>33.255.721.588</b>	<b>(3.852.045.966)</b>
Phải thu cán bộ công nhân viên	5.064.537.935	(3.419.368.186)	4.703.137.923	(3.419.368.186)
Tạm ứng	12.326.138.177	(419.770.782)	12.734.648.659	(419.770.782)
Ký cược, ký quỹ	333.987.095	-	449.462.871	-
Phải thu Smatec về tiền phạt vi phạm hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị SMU	1.124.688.840	-	1.124.688.840	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.140.433.768	(12.906.998)	14.243.783.295	(12.906.998)
<b>Cộng</b>	<b>32.989.785.815</b>	<b>(3.852.045.966)</b>	<b>33.255.721.588</b>	<b>(3.852.045.966)</b>

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

### 6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>				
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>4.362.895.251</b>		<b>4.362.895.251</b>	
Ông Nghiêm Xuân Bình - Phải thu tạm ứng công trình	1.145.857.811		1.145.857.811	
Ông Đinh Châu Giang - Phải thu tạm ứng công trình	203.814.768		203.814.768	
Phải thu do chi quá tiền lương của Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế đã giải thể	1.499.798.702		1.499.798.702	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.513.423.970		1.513.423.970	
<b>Cộng</b>	<b>4.362.895.251</b>		<b>4.362.895.251</b>	

Trong kỳ không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi.

### 7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho thiếu chờ xử lý tại chi nhánh Cần Thơ.

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.038.720.776		6.675.887.142	
Công cụ, dụng cụ	64.034.063		141.711.336	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.698.701.708		12.994.154.466	
Hàng hóa	1.347.887.259		1.374.511.598	
<b>Cộng</b>	<b>25.149.343.806</b>		<b>21.186.264.542</b>	

02  
HÀNG  
TÀI  
VẬT  
C  
HÀ NỘI  
TP



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Chi phí trả trước

#### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	137.666.674	126.743.618
Chi phí thuê chỗ đặt máy chủ		1.800.000
<b>Cộng</b>	<b><u>137.666.674</u></b>	<b><u>128.543.618</u></b>

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí giải thể các chi nhánh	835.233.551	751.264.963
Chi phí cải tạo trụ sở công ty	213.534.067	264.782.243
Công cụ, dụng cụ	336.518.594	476.005.800
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.852.333	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.390.138.545</u></b>	<b><u>1.492.053.006</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	23.147.824.820	25.666.976.654	10.300.097.186	1.082.385.409	156.303.800	60.353.587.869
Mua trong kỳ		495.378.000	1.908.963.636	51.350.000		2.455.691.636
			(995.007.238)			(995.007.238)
Thanh lý, nhượng bán			<b>11.214.053.584</b>	<b>1.133.735.409</b>	<b>156.303.800</b>	<b>61.814.272.267</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23.147.824.820</b>	<b>26.162.354.654</b>	<b>11.214.053.584</b>	<b>1.133.735.409</b>	<b>156.303.800</b>	<b>61.814.272.267</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.736.637.209	21.343.954.058	5.357.200.004	976.875.076	156.303.800	32.570.970.147
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	12.550.526.397	24.349.838.469	7.702.584.159	1.058.475.222	149.803.917	45.811.228.164
Khấu hao trong kỳ	610.295.256	313.034.922	231.185.066	14.073.184	8.437.488	1.177.025.916
			(995.007.238)			(995.007.238)
Thanh lý, nhượng bán	(21.186.752)	(179.708.363)	194.246.420	8.586.300	(1.937.605)	
Phân loại lại	<b>13.139.634.901</b>	<b>24.483.165.028</b>	<b>7.133.008.407</b>	<b>1.081.134.706</b>	<b>156.303.800</b>	<b>45.993.246.842</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13.139.634.901</b>	<b>24.483.165.028</b>	<b>7.133.008.407</b>	<b>1.081.134.706</b>	<b>156.303.800</b>	<b>45.993.246.842</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	10.618.485.175	1.496.846.548	2.403.266.607	15.323.887	8.437.488	14.542.359.705
Số cuối kỳ	<b>10.008.189.919</b>	<b>1.679.189.626</b>	<b>4.081.045.177</b>	<b>52.600.703</b>		<b>15.821.025.425</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.599.848.049 VND đã được thế chấp theo hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	25.731.037.818	160.000.000	25.891.037.818
Mua trong kỳ			
Thanh lý, nhượng bán			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.731.037.818</b>	<b>160.000.000</b>	<b>25.891.037.818</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		160.000.000	<b>160.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	883.685.966	160.000.000	1.043.685.966
Khấu hao trong kỳ	69.661.926		69.661.926
Thanh lý, nhượng bán			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>953.347.892</b>	<b>160.000.000</b>	<b>1.113.347.892</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	24.847.351.852		24.847.351.852
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.777.689.926</b>		<b>24.777.689.926</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

Quyền sử dụng đất tại Công ty Cổ phần Huawei-TST Việt Nam là giá trị tiền thuê đất có thời hạn 42 năm với diện tích 10.000 m<sup>2</sup> tại khu công nghiệp Bắc Ninh, xã Tương Giang, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh có giá trị còn lại là 4.783.452.108 VND đã được thế chấp theo hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển tăng tài sản cố định trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	546.728.000	1.908.963.636	(2.455.691.636)	
Xây dựng cơ bản dở dang (Công trình trụ sở Chi nhánh Cần Thơ)	1.054.313.636			1.054.313.636
<b>Cộng</b>	<b>1.601.041.636</b>	<b>1.908.963.636</b>	<b>(2.455.691.636)</b>	<b>1.054.313.636</b>

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>11.153.811.420</b>	<b>18.119.729.830</b>
Công ty Huawei Tech Investment Co, Ltd	1.803.645.360	5.084.420.560
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện Miền Trung	1.040.945.950	1.140.945.950
Các nhà cung cấp khác	8.309.220.110	11.894.363.320
<b>Cộng</b>	<b>11.153.811.420</b>	<b>18.119.729.830</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>1.432.560.349</i>	<i>934.762.765</i>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>-</i>	<i>120.000.000</i>
Bà Nguyễn Minh Ngọc	109.973.600	109.973.600
NEC Corporation	96.190.000	96.190.000
Công ty mạng lưới Viettel - Công ty Viễn thông Quân Đội	1.226.396.749	608.599.165
Các khách hàng khác	<b>1.432.560.349</b>	<b>934.762.765</b>
<b>Cộng</b>		

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.550.078.754	146.879.168	1.598.309.871	(4.028.125.041)	176.528.057	203.143.641
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			59.460.451	(59.460.451)		
Thuế nhập khẩu	157.037.140	38.199.350	2.716.905	(2.716.905)	16.558.753	38.199.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	173.796.651		2.532.733	(143.011.120)	113.049.725	
Thuế thu nhập cá nhân	(177.679.765)	219.455.039	207.648.893	(268.395.819)		397.134.804
Các loại thuế khác			10.000.000	(10.000.000)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			1.000.000	(1.000.000)		
<b>Cộng</b>	<b>2.703.232.780</b>	<b>404.533.557</b>	<b>1.881.668.853</b>	<b>(4.512.709.336)</b>	<b>306.136.535</b>	<b>638.477.795</b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty mẹ và công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty mẹ và công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất lần lượt là 22% và 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	553.941.174	(2.593.111.269)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(350.153.289)	1.031.406.523
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	28.371.699	1.223.881.392
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i>	5.091.033	39.175.658
<i>Chi phí không có hóa đơn chứng từ</i>	-	6.450.000
<i>Phạt do vi phạm hợp đồng</i>	-	1.146.726.840
<i>Xử lý công nợ phải thu</i>	-	11.438.864
<i>Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ</i>	23.280.666	20.090.030
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(378.524.988)	(192.474.869)
<i>Lãi trong công ty liên kết</i>	(367.105.721)	(192.474.869)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền</i>	(11.419.267)	-
Thu nhập chịu thuế	203.787.885	(1.561.704.746)
Trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ</i>	191.124.220	344.025.507
<i>Thu nhập chịu thuế tại công ty con</i>	12.663.665	(1.905.730.253)
Lỗi các năm trước được chuyển ở công ty mẹ	(191.124.220)	(344.025.507)
Thu nhập tính thuế	12.663.665	(1.905.730.253)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty con	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>2.532.733</b>	

### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

## 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	14.398.500.079	10.315.436.327
Giá vốn trích trước	5.971.033.700	1.746.993.703
Chi phí thuế nhà thầu nước ngoài	1.879.770.228	1.879.770.228
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.547.696.151	6.688.672.396
<b>Cộng</b>	<b>14.398.500.079</b>	<b>10.315.436.327</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là khoản tiền thuê nhà nhận trước của khách hàng.

### 18. Phải trả khác

#### 18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>18.930.934.411</i>	<i>30.522.397.448</i>
Kinh phí công đoàn	602.890.629	535.546.660
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	166.870.201	68.961.048
Phải trả cán bộ công nhân viên về chi phí thực hiện công trình	9.232.744.463	20.280.793.808
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.178.341.417	5.188.481.417
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.750.087.701	4.448.614.515
<b>Cộng</b>	<b><u>18.930.934.411</u></b>	<b><u>30.522.397.448</u></b>

#### 18b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

### 19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.507.063.850</i>	<i>6.507.063.850</i>	<i>7.591.116.050</i>	<i>7.591.116.050</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bắc Ninh <sup>(i)</sup>	5.407.063.850	5.407.063.850	5.591.116.050	5.591.116.050
Vay ngắn hạn Công ty TNHH SMATEC			2.000.000.000	2.000.000.000
Vay ngắn hạn Ông Lê Việt An	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.507.063.850</u></b>	<b><u>6.507.063.850</u></b>	<b><u>7.591.116.050</u></b>	<b><u>7.591.116.050</u></b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 10.000.000.000 VND. Khoản vay được giải ngân bằng USD hoặc VND.

Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10) và quyền sử dụng đất với diện tích thuê 10.000 m<sup>2</sup>, trong vòng 42 năm tại xã Tương Giang, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (xem thuyết minh số V.11).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	5.591.116.050	3.592.440.000	(3.776.492.200)	5.407.063.850
Vay ngắn hạn tổ chức khác	2.000.000.000		(2.000.000.000)	
Vay ngắn hạn cá nhân		1.100.000.000		1.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.591.116.050</u></b>	<b><u>4.692.440.000</u></b>	<b><u>(5.776.492.200)</u></b>	<b><u>6.507.063.850</u></b>

### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	-	17.758.663
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	634.430.358	1.019.136.311
Tăng khác		3.500.000
Chi quỹ	(130.400.000)	(378.373.444)
Giảm khác (kết chuyển bù với số chi quá quỹ đang theo dõi trên tài khoản 1388 - phải thu khác)	(484.430.358)	(602.974.867)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>19.600.000</u></b>	<b><u>59.046.663</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	48.000.000.000	49.699.560.000	11.101.830.563	1.102.199.009	(22.240.280.671)	87.663.308.901
Lợi nhuận trong kỳ trước					(1.085.087.140)	(1.085.087.140)
Trích lập các quỹ trong kỳ trước					(846.030.992)	(846.030.992)
Chi quỹ trong kỳ				(4.300.000)	(338.510.214)	(342.810.214)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>49.699.560.000</b>	<b>11.101.830.563</b>	<b>1.097.899.009</b>	<b>(24.509.909.017)</b>	<b>85.389.380.555</b>
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	49.699.560.000	11.101.830.563	119.132.759	(20.298.271.144)	88.622.252.178
Lợi nhuận trong kỳ này					546.397.818	546.397.818
Trích lập các quỹ trong kỳ này					(634.430.358)	(634.430.358)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>49.699.560.000</b>	<b>11.101.830.563</b>	<b>119.132.759</b>	<b>(20.386.303.684)</b>	<b>88.534.219.638</b>

#### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	15.750.000.000
Ông Lưu Xuân Huy	1.471.000.000
Ông Nguyễn Duy Hưng	1.907.000.000
Ông Từ Thanh Nam	1.478.000.000
Các cổ đông khác	27.394.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.000.000.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 634.430.358 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2014.

### 22. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Vốn đầu tư của Cổ đông thiểu số	14.972.250.000	14.972.250.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.459.805.403	1.459.805.403
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	80.750.996	80.750.996
Lợi nhuận chưa phân phối <sup>(*)</sup>	607.543.529	(1.144.338.478)
<b>Cộng</b>	<b><u>17.120.349.928</u></b>	<b><u>15.368.467.921</u></b>

### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.565,62	2.586,88

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	992.888.150	4.663.241.811
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.561.665.079	10.361.851.094
Doanh thu hợp đồng xây lắp, lắp đặt	7.766.170.034	4.944.745.749
<b>Cộng</b>	<b><u>21.320.723.263</u></b>	<b><u>19.969.838.654</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

## 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	825.710.321	1.686.787.436
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.480.954.238	10.206.223.505
Giá vốn của hợp đồng xây lắp, lắp đặt	6.761.556.688	4.516.687.215
<b>Cộng</b>	<b>16.068.221.247</b>	<b>16.409.698.156</b>

## 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.633.834	220.779.988
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.528.162	20.197.718
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	175.385	55.774.300
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.937.812	
Doanh thu hoạt động tài chính khác		50.880.141
<b>Cộng</b>	<b>19.275.193</b>	<b>347.632.147</b>

## 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	247.700.995	277.440.625
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	125.358.400	3.023.520
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		27.545.024
Chi phí tài chính khác	21.763.621	3.280.420
<b>Cộng</b>	<b>394.823.016</b>	<b>311.289.589</b>

## 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	218.906.660	197.452.170
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		438.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.045.110	504.368.869
Chi phí bảo hành sản phẩm	234.174.930	
Các chi phí khác	41.951.669	31.531.464
<b>Cộng</b>	<b>800.078.369</b>	<b>733.791.204</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.108.673.401	1.643.383.230
Chi phí đồ dùng văn phòng	132.435.000	153.348.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	294.274.021	356.596.384
Thuế, phí và lệ phí	15.393.388	25.966.301
Chi phí dự phòng		636.296.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.494.856.186	2.243.647.832
Các chi phí khác	413.943.076	433.165.346
<b>Cộng</b>	<b>5.459.575.072</b>	<b>5.492.403.492</b>

### 7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định,	372.450.364	228.327.499
Thu nhập do Công ty Huawei - Technologies giảm giá bán sản phẩm	1.197.900.000	
Hoàn nhập chi phí trích thừa từ những năm trước		203.208.187
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình		377.792.885
Thu nhập khác	4.499.999	301.001.876
<b>Cộng</b>	<b>1.574.850.363</b>	<b>1.110.330.447</b>

### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	89.942	1.146.726.840
Thuế bị phạt, bị truy thu	5.091.033	39.175.658
Xử lý công nợ		11.438.864
Chi phí khác	134.687	68.863.583
<b>Cộng</b>	<b>5.315.662</b>	<b>1.266.204.945</b>

### 9. Lãi trên cổ phiếu

#### 9a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	546.397.818	(1.085.087.140)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(134.031.825)	(317.215.179)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	412.365.993	(1.402.302.319)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.800.000	4.800.000
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>86</b>	<b>(292)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền thu từ đi vay

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.692.440.000	-

### 2. Tiền trả nợ gốc vay

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(5.776.492.200)	(2.337.500.000)

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và tiền thưởng	342.500.000	943.723.851

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina – OFC là công ty liên kết.

*Giao dịch với bên liên quan khác*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

### 2. Thông tin về bộ phận

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: Bán vật tư.
- Lĩnh vực dịch vụ: Tối ưu hóa, sửa chữa ứng cứu, bảo dưỡng, tư vấn thiết kế, cho thuê nhà trạm.
- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt các dịch vụ hạ tầng viễn thông

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	992.888.150	12.561.665.079	7.766.170.034	21.320.723.263
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>992.888.150</b>	<b>12.561.665.079</b>	<b>7.766.170.034</b>	<b>21.320.723.263</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	167.177.829	4.080.710.841	1.004.613.346	5.252.502.016
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.259.653.441)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.007.151.425)
Doanh thu hoạt động tài chính				19.275.193
Chi phí tài chính				(394.823.016)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	17.095.805	216.289.994	133.719.922	367.105.721
Thu nhập khác				1.574.850.363
Chi phí khác				(5.315.662)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.532.733)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>551.408.441</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>93.235.878</b>	<b>1.179.586.917</b>	<b>729.272.156</b>	<b>2.002.094.951</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>63.737.868</b>	<b>806.388.668</b>	<b>498.544.697</b>	<b>1.368.671.233</b>
<b>Tổng giá trị các khoản</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Cộng</b>
<i>chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>				
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.663.241.811	10.361.851.094	4.944.745.749	19.969.838.654
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.663.241.811</b>	<b>10.361.851.094</b>	<b>4.944.745.749</b>	<b>19.969.838.654</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.976.454.375	155.627.589	428.058.534	3.560.140.498
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.226.194.696)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(2.666.054.198)
Doanh thu hoạt động tài chính				347.632.147
Chi phí tài chính				(311.289.589)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	44.945.624	99.870.408	47.658.837	192.474.869
Thu nhập khác				1.110.330.447
Chi phí khác				(1.266.204.945)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(2.593.111.269)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>241.014.911</b>	<b>535.541.738</b>	<b>255.564.156</b>	<b>1.032.120.805</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>410.026.179</b>	<b>911.089.407</b>	<b>434.778.056</b>	<b>1.755.893.642</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận				
Tài sản phân bổ cho bộ phận	6.400.871.423	80.981.531.534	50.066.319.995	137.448.722.952
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				24.881.685.439
<b>Tổng tài sản</b>				<b><u>162.330.408.391</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	2.598.312.180	32.872.914.610	20.323.471.670	55.794.698.460
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				881.140.365
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b><u>56.675.838.825</u></b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận				
Tài sản phân bổ cho bộ phận	36.300.112.869	80.659.845.556	38.491.426.367	155.451.384.792
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				25.877.599.559
<b>Tổng tài sản</b>				<b><u>181.328.984.351</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	16.057.085.405	35.679.283.795	17.026.396.662	68.762.765.862
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				6.828.627.007
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b><u>75.591.392.869</u></b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Số liệu so sánh

#### 3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

“Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

### 3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</b>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	20.071.610.058	13.184.111.530	33.255.721.588	
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	136.167.801	136.167.801	
Tài sản ngắn hạn khác	155	13.320.279.331	(13.320.279.331)	-	
Phải thu dài hạn khác	216	-	92.105.000	92.105.000	
Tài sản dài hạn khác	268	92.105.000	(92.105.000)	-	
Quỹ đầu tư phát triển	418	9.041.876.184	2.059.954.379	11.101.830.563	

## 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### 4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.019.362.825	-	5.019.362.825
Phải thu khách hàng	37.115.676.613	510.849.285	37.626.525.898
Các khoản phải thu khác	9.461.029.971	3.852.045.966	13.313.075.937
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	960.000.000	4.930.000.000	5.890.000.000
<b>Cộng</b>	<b>52.556.069.409</b>	<b>9.292.895.251</b>	<b>61.848.964.660</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.776.251.383	-	6.776.251.383
Phải thu khách hàng	60.185.387.488	510.849.285	60.696.236.773
Các khoản phải thu khác	10.092.840.079	3.852.045.966	13.944.886.045
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	960.000.000	4.930.000.000	5.890.000.000
<b>Cộng</b>	<b>78.014.478.950</b>	<b>9.292.895.251</b>	<b>87.307.374.201</b>

#### 4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	6.507.063.850	-	-	6.507.063.850
Phải trả người bán	11.153.811.420	-	-	11.153.811.420
Các khoản phải trả khác	32.656.897.102	1.000.100.000	200.000.000	33.856.997.102
<b>Cộng</b>	<b>50.317.772.372</b>	<b>1.000.100.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>51.517.872.372</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	7.591.116.050	-	-	7.591.116.050
Phải trả người bán	18.119.729.830	-	-	18.119.729.830
Các khoản phải trả khác	20.049.755.701	982.100.000	200.000.000	21.231.855.701
<b>Cộng</b>	<b>45.760.601.581</b>	<b>982.100.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>46.942.701.581</b>

#### 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	220.000.000	220.000.000
Vay và nợ	(6.507.063.850)	(7.591.116.050)
<b>Nợ phải trả thuần</b>	<b>(6.287.063.850)</b>	<b>(7.371.116.050)</b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 50.296.511 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 65.600.000 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### **4d. Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### **5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.019.362.825	6.776.251.383	5.019.362.825	6.776.251.383
Phải thu khách hàng	37.626.525.898	60.696.236.773	37.115.676.613	60.185.387.488
Các khoản phải thu khác	13.313.075.937	13.944.886.045	9.461.029.971	10.092.840.079
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.890.000.000	5.890.000.000	5.539.095.719	5.539.095.719
<b>Cộng</b>	<b>61.848.964.660</b>	<b>87.307.374.201</b>	<b>57.135.165.128</b>	<b>82.593.574.669</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	6.507.063.850	7.591.116.050	6.507.063.850	7.591.116.050
Phải trả người bán	11.153.811.420	18.119.729.830	11.153.811.420	18.119.729.830
Các khoản phải trả khác	33.856.997.102	21.231.855.701	33.856.997.102	21.231.855.701
<b>Cộng</b>	<b>51.517.872.372</b>	<b>46.942.701.581</b>	<b>51.517.872.372</b>	<b>46.942.701.581</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

